|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Khoa học cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục Mầm non** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ** | **1.2. Tên tiếng Anh:***Rule and language development method for children* |
| **1.3. Mã học phần: …………………….** | **1.4. Số tín chỉ:03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Thực hành: | 30 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Thị Mỹ Hồng |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Đặng Lê Thủy Tiên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Tiếng Việt |
| - Học phần học trước: | Văn học trẻ em |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phát triển lời nói trẻ em với tư cách là một lĩnh vực khoa học (có đối tượng và phương pháp nghiên cứu). Trên cơ sở nắm vững những đặc điểm phát triển của trẻ có liên quan đến sự phát triển lời nói, sinh viên được cung cấp các kiến thức về nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ, dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt, phát triển lời nói mạch lạc, chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở lớp 1 và giáo dục trẻ văn hoá giao tiếp ngôn ngữ. Các giờ thực hành ở trường Mầm non giúp sinh viên có được những kiến thức từ thực tiễn để hiểu thêm lý thuyết đã học và cách thức vận dụng kiến thức vào giảng dạy.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về Phương pháp phát triển lời nói cho trẻ dưới 6 tuổi, bao gồm những vấn đề chung về lí luận. Nội dung, phương pháp, hình thức giúp trẻ phát triển ngôn ngữ. Bổ sung một số kiến thức cơ bản, hiện đại thiết thực về Tiếng Việt và tạo cơ sở giúp sinh viên tiếp thu nội dung, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành năng lực ứng dụng các kiến thức lí thuyết vào các giờ thực hành (ở nhà và trên lớp), kỹ năng soạn giáo án, kỹ năng tổ chức các hoạt động nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

**2.2.3. Về thái độ**

Sinh viên cần có thái độ trung thực, ý thức tốt trong học tập trên lớp, bài tập ở nhà, thảo luận nhóm; có tinh thần cầu thị trong việc lĩnh hội kiến thức chuyên ngành

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được những kiến thức cơ bản về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non |
| CLO2 | Hiểu và phân tích được các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non |
| CLO3 | Hình thành hệ thống kỹ năng nghề nghiệp |
| CLO4 | Phân tích được các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non |
| CLO5 | Áp dụng tri thức để thiết kế và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong chương trình Chăm sóc – Giáo dục trẻ mầm non ở các độ tuổi |
| CLO6 | Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực và phát huy tính chủ động, sáng tạo |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 | I |  | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | I | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  | M M |  |  |  |  |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |
| Tổng hợp học phần | I | I | M | M | M | M | M | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu,có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…;M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | - Đánh giá toàn bộ quá trình  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Tuần 5  Các phương pháp và hình thức phát triển NN cho trẻ | 30% |  | CLO 1 | Đáp ứng đáp án, thang điểm |
| A2.2. Tuần 10  Phát triển vốn từ cho trẻ, Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp. | 30% |  | CLO 2  CLO 3 |
| A2.3. Tuần 15  Phát triển ngôn ngữ mạch lạc, Hướng dẫn trẻ làm quen với chữ cái | 40% |  | CLO 2  CLO 3 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ Chương 1  Chương 2  Chương 3  Chương 4  Chương 5  Chương 6  Chương 7 | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | Bài kiểm tra cuối kỳ có thể theo các hình thức: Tự luận, vấn đáp, bài tập lớn  Đáp ứng đáp án, thang điểm |
|  |  |  |  |  |  | Đáp ứng đáp án, thang điểm |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạytheo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Những vấn đề chung về bộ môn phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ  1.1. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn  1.1.1.Đối tượng nghiên cứu  1.1.2. Sơ lược về quá trình hình thành, xây dựng bộ môn phương pháp phát triển ngôn ngữ  1.1.3. Mối liên hệ giữa môn phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học kh  1.2. Vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển trẻ em  1.3.Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ. | 4/0/0 | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | CLO1  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 2 | Chương 1: Những vấn đề chung về bộ môn phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ  1.4. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ em.  Chương 2: Nhiệm vụ, phương pháp và các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ  2.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ  2.2. Các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ | 4/0/0 | - Hiểu được các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ em.  Hiểu và vận dụng các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ | CLO1  CLO2  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 2  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 3 | Chương 2: Nhiệm vụ, phương pháp và các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ  2.3. Các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ  2.4. Những phương tiện và điều kiện thực hiện chương trình  Chương 3: Phương pháp luyện phát âm cho trẻ  3.1. Khái niệm  3.2. Đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 0 – 6 tuổi  3.3. Nội dung và phương pháp luyện phát âm cho trẻ  3.3.1. Nội dung, phương pháp, biện pháp luyện phát âm cho trẻ ở giai đoạn tiền ngôn ngữ (dưới 1 tuổi) | 4/0/0 | Hiểu và vận dụng các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ  Hiểu và phân tích được khái niệm, đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 0 – 6 tuổi, nội dung và phương pháp luyện phát âm cho trẻ | CLO1  CLO2  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 3  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 4 | Chương 3: Phương pháp luyện phát âm cho trẻ  3.3.2. Nội dung, phương pháp, biện pháp luyện phát âm cho trẻ ở giai đoạn ngôn ngữ (1-6 tuổi)  3.4.Tổ chức công tác luyện phát âm cho trẻ  3.5. Một số dạng bài tập luyện phát âm cho trẻ  Thực hành | 2/2/0 | Vận dụng được một số dạng bài tập luyện phát âm cho trẻ | CLO2 CLO3  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 3  - Hoạt động trên lớp: T hực hành, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, |  |
| 5 | Thực hành bài tập luyện phát âm  Chương 4: Phương pháp phát triển vốn từ  4.1. Khái niệm  4.2. Đặc điểm vốn từ của trẻ  4.3. Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ  4.4. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ theo độ tuổi | 2/2/0 | Hiểu và phân tích được khái niệm, đặc điểm vốn từ của trẻ, nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ và nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ theo độ tuổi | CLO2  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 4  - Hoạt động trên lớp: Kiểm tra, thực hành, thảo luận,, trả lời câu hỏi của GV | A1.1. |
| 6 | Chương 4: Phương pháp phát triển vốn từ  4.5. Phương pháp phát triển vốn từ  4.6. Các hình thức phát triển vốn từ cho trẻ  4.7. Một số yêu cầu cần đạt được khi phát triển vốn từ cho trẻ  Thực hành: Soạn giáo án và tập dạy | 2/2/0 | Hiểu và vận dụng được các phương pháp và các hình thức phát triển vốn từ cho trẻ | CLO2 CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 4  - Hoạt động trên lớp: T hực hành, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 7 | Chương 4: Phương pháp phát triển vốn từ  Thực hành: Soạn giáo án và tập dạy | 0/4/0 | Vận dụng được phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ trong 1 tiết dạy cụ thể | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Soạn giáo án theo yêu cầu của GV  - Hoạt động trên lớp: Thực hành tập dạy | ………. |
| 8 | Chương 5: Phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp  5.1. Khái niệm  5.2. Đặc điểm ngữ pháp của trẻ từ 1 – 6 tuổi  5.2.1. Giai đoạn từ 1-3 tuổi  5.2.2. Giai đoạn từ 4-6 tuổi  5.3. Nội dung, phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp | 4/0/0 | Hiểu và phân tích được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp của trẻ từ 1 – 6 tuổi, nội dung vàphương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp | CLO2  CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 5  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 9 | Chương 5: Phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp  Thực hành các phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp | 0/4/0 | Vận dụng được phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp trong tổ chức các hoạt động | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Chuẩn bị phần thực hành theo yêu cầu của GV  - Hoạt động trên lớp: Thực hành tập dạy |  |
| 10 | Chương 6: Phương pháp pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ  6.1. Khái niệm về ngôn ngữ mạch lạc  6.2. Các hình thức ngôn ngữ mạch lạc của trẻ  6.3. Đặc điểm lời nói mạch lạc của trẻ  6.4. Nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ  6.5. Phương pháp pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ | 4/0/0 | Hiểu và phân tích được khái niệm, hình thức ngôn ngữ mạch lạc của trẻ; đặc điểm lời nói mạch lạc của trẻ, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ | CLO2  CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 6  - Hoạt động trên lớp: Kiểm tra, Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV | A1.2 |
| 11 | Chương 6: Phương pháp pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ  \* Thực hành : Soạn giáo án và tập dạy | 0/4/0 | Vận dụng được phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ trong 1 tiết dạy cụ thể | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Soạn giáo án theo yêu cầu GV  - Hoạt động trên lớp: Thực hành soạn giáo án tập dạy |  |
| 12 | Chương 6: Phương pháp pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ  \* Thực hành : Soạn giáo án và tập dạy | 0/4/0 | Vận dụng được phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ trong 1 tiết dạy cụ thể | CLO2  CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Soạn giáo án theo yêu cầu GV  - Hoạt động trên lớp: Thực hành soạn giáo án và tập dạy |  |
| 13 | Chương 7: Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái  7.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ cái  7.2. Cơ sở xây dựng chương trình phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái  7.3. Yêu cầu, nội dung và phân phối chương trình  7.4. Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái | 4/0/0 | Hiểu và phân tích được ý nghĩa, nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ cái; Yêu cầu, nội dung, phân phối chương trình và phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái | CLO2  CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 7  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 14 | Chương 7: Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái  \*Thực hành: Soạn giáo án và tập dạy | 0/4/0 | Vận dụng được phương pháp pháp dạy trẻ LQCC trong 1 tiết dạy cụ thể | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Soạn giáo án theo yêu cầu của GV  - Hoạt động trên lớp: Thực hành soạn giáo án và tập dạy |  |
| 15 | Chương 7: Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái  \*Thực hành: Soạn giáo án và tập dạy | 0/4/0 | Vận dụng được phương pháp dạy trẻ LQCC trong 1 tiết dạy cụ thể | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1  - Hoạt động trên lớp: Kiểm tra, Thực hành soạn giáo án và tập dạy |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | 1. Những vấn đề chung về bộ môn PPPTNN cho trẻ  2. Nhiệm vụ, phương pháp và các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ  3.Phương pháp luyện phát âm cho trẻ  4. Phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ  5. Phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp  6. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ  7. Phương pháp dạy trẻ LQCC | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Bài kiểm tra cuối kỳ có thể theo các hình thức: Tự luận, vấn đáp, bài tập lớn  Đáp ứng đáp án, thang điểm |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Đinh Hồng Thái | 2013 | *Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non* | NXB ĐH Sư phạm |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Hoàng Kim Oanh, Phạm Thị Việt, Nguyễn Kim Đức | 2001 | *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi* | NXB ĐH QG HN |
| 3 | Nhiều tác giả | 1999 | *Tuyển tập thơ truyện, trò chơi, bài hát dành cho trẻ mẫu giáo* | NXB GD |

**8.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2, 3, 4,5,6,7 |
| 2 | Phòng thực hành | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 3,4,5,6,7 |

**9. Rubric đánh giá:** Không

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

***Ghi chú:***

Đề cương chi tiết học phần trình bày kiểu chữ thống nhất Times New Roman, cỡ chữ văn bảng 13, cỡ chữ trong các bảng 12 bằng hệ soạn thảo WinWord; mật độ chữ bình thường khoảng cách dòng 1.3 lines; lề trên và dưới 2,0 cm, lề trái 3,0 - 3,5 cm , lề phải 2,0 cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên mỗi trang giấy. Thụt đầu dòng 1,25 cm hàng chữ đầu tiên của mỗi đoạn văn, văn bản căn lề hai bên.